TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/DS-ST
Ngày 08-01-2021
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Xuân Minh**

2. Ông **Huỳnh Văn Năm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Len** – Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 605/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 559/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 576/2020/QĐST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Lê Bé H**, sinh năm 1976 (Có mặt). Trú tại: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Bà **Trần Thị Y**, sinh năm 1969 (Vắng mặt). Trú tại: Ấp V, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà **Lê Bé H** trình bày: Vào ngày 15/12/2018 bà Trần Thị Y có mượn của bà số tiền 35.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng trả lại (bà Y có làm giấy tay). Sau đó, bà Y có trả cho bà Bé H được 03 lần với số tiền 3.000.000 đồng, số tiền còn lại 32.000.000 đồng đến nay bà Y không trả. Nay, bà Bé H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Y trả tiền mượn số tiền 32.000.000 đồng.

Đối với bị đơn bà **Trần Thị Y:** Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt đúng theo quy định, như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy

triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Nhưng, bà Y vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn bà Y vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, còn nguyên đơn bà Bé H vẫn bảo lưu ý kiến tại đơn khởi kiện và bản tự khai giao nộp cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn đều có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về pháp luật áp dụng: Do giao dịch giữa các đương sự được diễn ra sau ngày Bộ luật dân sự năm 2015 (có hiệu lực ngày 01/01/2017), mà có tranh chấp thì áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13 và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Bộ luật dân sự số: 91/2015/QH13, để giải quyết, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về sự vắng mặt của đương sự: Do, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

[5] Bà Bé H xác định, ngày 15/12/2018 bà có cho bà Y mượn số tiền 35.000.000 đồng (bà Y có làm giấy tay), bà Y trả được 3.000.000 đồng, số tiền còn lại 32.000.000 đồng đến nay bà Y chưa trả cho bà Bé H. Nên, bà Bé H khởi kiện yêu cầu bà Y trả tiền mượn còn lại 32.000.000 đồng.

[6] Bà Y không tham gia tố tụng tại Tòa án, nhưng văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Các thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, đều do cha ruột bà Y (Trần Văn Minh) nhận. Như vậy, bà Y biết được bà Bé H khởi kiện yêu cầu bà Y trả tiền mượn 32.000.000 đồng, nhưng bà Y vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến phản đối gửi đến Tòa án theo khoản 2 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[7] Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 92; Điều 93; Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bé H, buộc bà Y trả cho bà Bé H số tiền mượn 32.000.000 đồng, là phù hợp.

[8] Về án phí:

Do, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bé H, nên cần buộc bà Y phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 1.600.000 đồng (32.000.000 đồng x 5% = 1.600.000 đồng).

Bà Bé H được nhận lại số tiền 800.000 đồng tại biên lai thu số 0004255 ngày 09/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Theo khoản 3 Điều 144; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Điều 3; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Bé H đối với bị đơn bà Trần Thị Y.

2. Buộc bà Trần Thị Y trả cho bà Lê Bé H tiền mượn số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

3. Kể từ ngày bà Trần Thị Y có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Bé H ông không thi hành xong khoản tiền trên, bà Lê Bé H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền (32.000.000 đồng) và thời gian chậm trả.

4. Về án phí: Buộc bà Trần Thị Y phải nộp án phí dân sự có giá ngạch số tiền 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm ngàn đồng, chưa nộp). Bà Lê Bé H được nhận lại số tiền 800.000 đồng tại biên lai thu số 0004255 ngày 09/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Bé H được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn bà Trần Thị Y được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Về nghĩa vụ thi hành án: "Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Nguyên đơn; Bị đơn (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Thành Quang